TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2019/HNGĐ- ST

Ngày 28/6/2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc**
2. Ông Từ Tứ Hải

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Kiều O**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

***- Bị Đơn*:** Anh **La Văn B**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Hồ Thị Kiều O trình bày: tôi và ông La Văn B chung sống với nhau vào năm 1996, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/01/2003. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống có lối sống không phù hợp, dẫn đến gia đình không hạnh phúc.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ La Thị Thúy H, sinh ngày 19/12/1997.

2/ La Tuấn T, sinh ngày 24/6/1999

Hiện nay cháu H, cháu T đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị Oanh yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với ông La Văn B.

Về quan hệ con chung: Cháu La Thị Thúy H, cháu La Tuấn T hiện đã trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn ông La Văn B trình bày**: Tòa án đã tống đạt các văn bản cho anh La Văn Be theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Be vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh La Văn B với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh B vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh La Văn B, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị O về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh La Văn B là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh B hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống có lối sống không phù hợp, dẫn đến gia đình không hạnh phúc, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được, chị O và anh B đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Vì vậy lời yêu cầu của chị O xin được ly hôn với anh B được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** các con đã trưởng thành.

[5] **Về quan hệ tài sản chung**: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] **Về quan hệ nợ chung**: Do chị O và anh B không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] **Về án phí Hôn nhân sơ thẩm**: Bà O phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005252 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị O đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Kiều O và anh La Văn B được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị Kiều O nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005252 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị O đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Hồ Thị Kiều O biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh La Văn B Biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật